

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**



**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34

## **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đào Khắc Hậu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2020)
Ông Đỗ Khắc Thanh	Ủy viên
Ông Hoàng Việt Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Việt	Ủy viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2020)

#### **Ban kiểm soát**

Bà Đỗ Thu Hằng	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Tiên Dũng	Thành viên
Ông Đinh Phúc Lộc	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Duy Việt	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2020)
Ông Nguyễn Quốc Trường	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2020)
Ông Phạm Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Duy Việt - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2020)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Nguyễn Duy Việt**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 28 tháng 02 năm 2021

Số: 022801/2021/BCKT-iCPA

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Các Cổ đông,  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 02 năm 2021 từ trang 6 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được một công ty kiểm toán độc lập khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính đó vào ngày 28 tháng 02 năm 2020.



**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1402-2019-072-01

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2021*

**Nguyễn Phương Liên**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 4540-2018-072-01

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>181.941.636.248</b>	<b>144.036.914.943</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.494.896.970	37.036.720.768
1. Tiền	111		13.494.896.970	37.036.720.768
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		149.076.785.409	89.759.496.975
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	38.787.167.844	29.174.075.174
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	63.475.224.719	21.808.220.909
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	46.814.392.846	38.777.200.892
III. Hàng tồn kho	140		19.085.258.253	17.146.888.074
1. Hàng tồn kho	141	V.5	19.085.258.253	17.146.888.074
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		284.695.616	93.809.126
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	259.716.428	72.290.406
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.979.188	21.518.720
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.701.242.196</b>	<b>16.665.203.741</b>
I. Tài sản cố định	220		4.889.056.921	7.007.384.347
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	4.781.081.312	6.791.142.062
- Nguyên giá	222		15.193.775.384	17.177.359.133
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.412.694.072)	(10.386.217.071)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	107.975.609	216.242.285
- Nguyên giá	228		1.115.380.500	1.115.380.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.007.404.891)	(899.138.215)
II. Bất động sản đầu tư	230	V.9	3.967.380.887	4.816.135.530
- Nguyên giá	231		14.220.418.430	13.105.329.226
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10.253.037.543)	(8.289.193.696)
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.844.804.388	4.841.683.864
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	2.844.804.388	4.841.683.864
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>193.642.878.444</b>	<b>160.702.118.684</b>

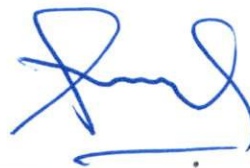
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>157.233.555.035</b>	<b>118.936.139.771</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>155.602.707.285</b>	<b>117.305.292.021</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	21.769.277.279	14.905.591.233
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	20.373.236.400	12.177.264.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	556.235.113	784.083.266
4. Phải trả người lao động	314		1.569.890.476	5.830.491.028
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		44.550.000	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		64.581.821	96.054.545
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	47.883.872.052	49.763.156.814
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	63.018.743.334	33.568.380.325
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		322.320.810	180.270.810
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.630.847.750</b>	<b>1.630.847.750</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	1.630.847.750	1.630.847.750
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>36.409.323.409</b>	<b>41.765.978.913</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>36.409.323.409</b>	<b>41.765.978.913</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.112.830.000	25.927.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		31.112.830.000	25.927.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.910.890	1.136.540.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	4.058.800.890
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.473.497.115	1.473.497.115
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.813.085.404	9.169.740.908
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421		2.078.425.218	1.679.884.863
- LNST chưa phân phối năm nay	421		1.734.660.186	7.489.856.045
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>193.642.878.444</b>	<b>160.702.118.684</b>



Trần Thị Ninh  
Người lập



Dương Quang Trung  
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2021



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	179.284.230.166	290.381.410.222
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		179.284.230.166	290.381.410.222
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	153.259.700.259	248.523.504.224
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.024.529.907	41.857.905.998
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.503.503.797	959.883.562
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.948.600.160	3.565.560.937
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.201.679.143	3.296.429.906
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.727.022.615	7.566.219.062
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	18.370.383.167	22.009.371.854
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.482.027.762	9.676.637.707
11. Thu nhập khác	31		411.238.734	201.201.370
12. Chi phí khác	32		2.062.294	269.591.062
13. Lợi nhuận khác	40		409.176.440	(68.389.692)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.891.204.202	9.608.248.015
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	156.544.016	2.118.391.970
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.734.660.186	7.489.856.045
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	657	2.234
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	657	2.234



Trần Thị Ninh  
Người lập



Dương Quang Trung  
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Việt  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 02 năm 2021

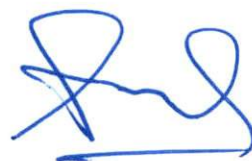
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.891.204.202	9.608.248.015
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.967.082.069	3.033.316.456
Các khoản dự phòng	03	-	(165.945.599)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(500.826.380)	(299.022.116)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(359.599.374)	(98.878.559)
Chi phí lãi vay	06	2.201.679.143	3.296.429.906
3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.199.539.660	15.374.148.103
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(50.225.460.990)	(18.747.401.341)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.938.370.179)	(7.063.852.208)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	8.358.017.458	5.826.863.613
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.809.453.454	(958.875.975)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.201.679.143)	(3.296.429.906)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(659.828.669)	(1.800.518.635)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.403.984.769	2.957.681.344
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(10.859.073.602)	(1.210.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(48.113.417.242)	(8.918.585.005)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(912.509.091)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	331.818.182	116.363.636
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	27.781.192	30.871.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	359.599.374	(765.274.355)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	98.160.582.021	139.564.543.479
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(68.710.219.012)	(108.888.288.411)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.234.242.500)	(5.396.463.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	24.216.120.509	25.279.791.943
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(23.537.697.359)	15.595.932.583
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	37.036.720.768	21.440.788.185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.126.439)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	13.494.896.970	37.036.720.768



**Trần Thị Ninh**  
Người lập



**Dương Quang Trung**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Duy Việt**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 02 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không được thành lập theo Quyết định số 1173/QĐ/TCCB/LĐ ngày 30/07/1994 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000496 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 09 năm 1994 cùng các lần sửa đổi bổ sung.

Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không theo Quyết định số 3892/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012269 ngày 18 tháng 05 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 ngày 01 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 26 tháng 10 năm 2016, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là ARM theo Giấy chứng nhận niêm yết cổ phiếu số 92/GCN-SGDHN ngày 06 tháng 10 năm 2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 102 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 110 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh máy bay, động cơ, dụng cụ, thiết bị, phụ tùng và vật tư máy bay;
- Kinh doanh phương tiện, thiết bị chuyên dụng, vật tư và phụ tùng cho ngành hàng không;
- Đại lý vé, giữ chỗ hàng không trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kho ngoại quan;
- Dịch vụ ủy thác, xuất nhập khẩu kê khai hải quan;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải và;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không có chi nhánh hoạt động như sau: Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không tại phòng 408, số 49 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: kế toán máy.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các loại phần mềm khấu hao từ 03 - 04 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 05 - 25 năm.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	544.914.036	351.988.687
Tiền gửi ngân hàng	12.949.982.934	36.684.732.081
<b>Cộng</b>	<b>13.494.896.970</b>	<b>37.036.720.768</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>38.787.167.844</b>	<b>29.174.075.174</b>
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	26.040.994.250	14.275.359.356
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	603.618.775	546.092.875
- Khách hàng khác	12.142.554.819	14.352.622.943
<b>Cộng</b>	<b>38.787.167.844</b>	<b>29.174.075.174</b>
<b>b) Phải thu khách hàng bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số VIII.1)	<b>26.644.613.025</b>	<b>14.821.452.231</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>63.475.224.719</b>	<b>21.808.220.909</b>
Công ty TNHH TM-DV XNK An Tâm	61.719.240.000	10.316.177.400
Công ty CP Thuận Quốc	1.149.939.038	3.674.280.391
Công ty TNHH In Thành Đô	-	2.612.713.587
Trả trước cho người bán khác	606.045.681	5.205.049.531
<b>Cộng</b>	<b>63.475.224.719</b>	<b>21.808.220.909</b>
<b>b) Trả trước cho người bán là bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số VIII.1)	<b>12.422.000</b>	<b>12.422.000</b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Phải thu khác ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	546.950.000	993.602.000
Ký cược, ký quỹ	440.139.000	986.562.300
Phải thu về ủy thác	45.827.303.846	36.732.015.934
<i>Trong đó:</i>		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	11.159.470.195	10.289.680.399
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	27.718.872.127	23.239.297.576
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	2.831.933.414	1.094.868.899
Phải thu đối tượng khác	4.117.028.110	2.108.169.060
Phải thu khác	-	65.020.658
<b>Cộng</b>	<b>46.814.392.846</b>	<b>38.777.200.892</b>
<b>b) Phải thu khác là bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh VIII.1)	<b>41.710.275.736</b>	<b>34.623.846.874</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.101.151.244	-	1.101.151.244	-
Hàng hóa	17.984.107.009	-	16.045.736.830	-
<b>Cộng</b>	<b>19.085.258.253</b>	<b>-</b>	<b>17.146.888.074</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.593.315	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	250.123.113	72.290.406
<b>Cộng</b>	<b>259.716.428</b>	<b>72.290.406</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	164.331.047	577.699.590
Chi phí sửa chữa văn phòng	2.084.071.509	3.899.945.464
Chi phí trả trước dài hạn khác	596.401.832	364.038.810
<b>Cộng</b>	<b>2.844.804.388</b>	<b>4.841.683.864</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày đầu năm	8.469.619.227	1.032.890.030	3.736.755.252	3.938.094.624	17.177.359.133
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.115.089.204)	-	-	-	(1.115.089.204)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(868.494.545)	-	(868.494.545)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>7.354.530.023</b>	<b>1.032.890.030</b>	<b>2.868.260.707</b>	<b>3.938.094.624</b>	<b>15.193.775.384</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày đầu năm	3.321.700.334	536.274.356	2.770.374.688	3.757.867.693	10.386.217.071
Khấu hao trong năm	944.282.189	206.578.032	199.607.556	158.907.709	1.509.375.486
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(614.403.940)	-	-	-	(614.403.940)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(868.494.545)	-	(868.494.545)
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.651.578.583</b>	<b>742.852.388</b>	<b>2.101.487.699</b>	<b>3.916.775.402</b>	<b>10.412.694.072</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	5.147.918.893	496.615.674	966.380.564	180.226.931	6.791.142.062
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.702.951.440</b>	<b>290.037.642</b>	<b>766.773.008</b>	<b>21.319.222</b>	<b>4.781.081.312</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.871.886.301 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 6.486.228.195 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày đầu năm	1.115.380.500	1.115.380.500
Tại ngày cuối năm	<u>1.115.380.500</u>	<u>1.115.380.500</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày đầu năm	899.138.215	899.138.215
Khấu hao trong năm	108.266.676	108.266.676
Tại ngày cuối năm	<u>1.007.404.891</u>	<u>1.007.404.891</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	<u>216.242.285</u>	<u>216.242.285</u>
Tại ngày cuối năm	<u><u>107.975.609</u></u>	<u><u>107.975.609</u></u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 790.580.500 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 790.580.500 đồng).

**9. Bất động sản đầu tư**

	Nhà xưởng và quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày đầu năm	13.105.329.226	13.105.329.226
Chuyển từ TSCDHH sang BDS đầu tư	1.115.089.204	1.115.089.204
Tại ngày cuối năm	<u>14.220.418.430</u>	<u>14.220.418.430</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày đầu năm	8.289.193.696	8.289.193.696
Trích khấu hao trong năm	1.349.439.907	1.349.439.907
Chuyển từ TSCDHH sang BDS đầu tư	614.403.940	614.403.940
Tại ngày cuối năm	<u>10.253.037.543</u>	<u>10.253.037.543</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày đầu năm	<u>4.816.135.530</u>	<u>4.816.135.530</u>
Tại ngày cuối năm	<u><u>3.967.380.887</u></u>	<u><u>3.967.380.887</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Tiếp vận Tường Long	7.693.211.919	7.693.211.919	2.063.691.926	2.063.691.926
Công ty CP Thuận Quốc	3.822.144.150	3.822.144.150	5.420.748.740	5.420.748.740
Công ty TNHH Đầu tư và Giải pháp công nghệ Hàng không	2.361.100.000	2.361.100.000	-	-
Công ty TNHH Viet Sun Global	910.061.053	910.061.053	993.475.628	993.475.628
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư B&T	533.945.000	533.945.000	534.405.000	534.405.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn Rừng Xanh	443.398.725	443.398.725	774.545.625	774.545.625
Phải trả người bán khác	6.005.416.432	6.005.416.432	5.118.724.314	5.118.724.314
<b>Cộng</b>	<b>21.769.277.279</b>	<b>21.769.277.279</b>	<b>14.905.591.233</b>	<b>14.905.591.233</b>
<b>b) Phải trả người bán là bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh số VIII.1)	<b>639.345.565</b>	<b>639.345.565</b>	<b>426.752.738</b>	<b>426.752.738</b>

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	20.373.236.400	20.373.236.400	12.177.264.000	12.177.264.000
<b>Cộng</b>	<b>20.373.236.400</b>	<b>20.373.236.400</b>	<b>12.177.264.000</b>	<b>12.177.264.000</b>
<b>b) Người mua trả tiền trước là bên liên quan</b> (Chi tiết tại thuyết minh VIII.1)	<b>20.373.236.400</b>	<b>20.373.236.400</b>	<b>12.177.264.000</b>	<b>12.177.264.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp /bù trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	378.972.209	13.788.314.429	13.509.831.034	100.488.814
Thuế thu nhập doanh nghiệp	156.544.015	156.544.016	659.828.669	659.828.668
Thuế thu nhập cá nhân	20.718.889	646.119.649	649.166.544	23.765.784
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.315.600.089	1.315.600.089	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>556.235.113</b>	<b>15.910.578.183</b>	<b>16.138.426.336</b>	<b>784.083.266</b>

**13. Phải trả khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Phải trả khác ngắn hạn</b>		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	201.514.557	250.277.057
Các khoản phải trả, phải nộp về ủy thác	45.417.181.592	46.821.166.361
<u>Trong đó</u>		
<i>Công ty ROHR</i>	7.143.023.350	5.931.182.062
<i>Công ty TNHH Viet Sun Global</i>	9.477.772.913	8.862.385.084
<i>Công ty TNHH Toàn cầu Khải Minh</i>	7.618.329.325	4.084.127.518
<i>Công ty International Aircraft Engineer</i>	4.044.563.034	2.794.947.444
<i>Công ty Boeing</i>	1.163.174.342	3.526.874.108
<i>Phải trả khác</i>	15.970.318.628	21.621.650.145
Phải trả về ứng tiền thuế nhập khẩu	2.209.122.422	2.645.020.385
Phải trả khác	56.053.481	46.693.011
<b>Cộng</b>	<b>47.883.872.052</b>	<b>49.763.156.814</b>
<b>b) Phải trả khác dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.630.847.750	1.630.847.750
<b>Cộng</b>	<b>1.630.847.750</b>	<b>1.630.847.750</b>
<b>c) Phải trả khác là bên liên quan</b>	<b>2.438.650.844</b>	<b>1.409.121.396</b>

(Chi tiết tại thuyết minh số VIII.1)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Tăng VND	Giảm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (i)	52.651.820.000	87.793.658.687	68.710.186.012	33.568.347.325
Thấu chi phòng vé - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	-	33.000	33.000
Thấu chi - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	10.366.923.334	10.366.923.334	-	-
<b>Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>63.018.743.334</b>	<b>98.160.582.021</b>	<b>68.710.219.012</b>	<b>33.568.380.325</b>

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay đến hạn.

- (i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (Vietinbank) theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHN/NHCT146-AIRIMEX với hạn mức vay 90 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 01 tháng 06 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 05 năm 2021. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại, hoạt động ủy thác của Công ty. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản thấu chi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng vay số 02/2020-HĐTDHMT/C/NHCT146-AIRIMEX ngày 11 tháng 06 năm 2020, tổng mức dư nợ theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 40 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31 tháng 05 năm 2021, thời hạn tối đa của mỗi khoản thấu chi là 1 tháng kể từ ngày thấu chi. Mục đích khoản thấu chi là để bổ sung vốn lưu động thiếu hụt tạm thời trong thanh toán phục vụ hoạt động ủy thác, lãi suất thấu chi được điều chỉnh 1 tháng/lần, lãi suất đối với dư nợ gốc thấu chi quá hạn bằng 150% lãi suất thấu chi trong hạn, lãi suất thấu chi trong ngày là 8,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. Vốn chủ sở hữu****a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày đầu năm trước</b>	<b>25.927.400.000</b>	<b>1.136.540.000</b>	<b>4.058.800.890</b>	<b>1.473.497.115</b>	<b>7.547.567.252</b>	<b>40.143.805.257</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	7.489.856.045	7.489.856.045
Trả cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(5.185.480.000)	(5.185.480.000)
Trích quỹ KTPL năm 2018	-	-	-	-	(682.202.389)	(682.202.389)
<b>Tại ngày đầu năm nay</b>	<b>25.927.400.000</b>	<b>1.136.540.000</b>	<b>4.058.800.890</b>	<b>1.473.497.115</b>	<b>9.169.740.908</b>	<b>41.765.978.913</b>
Tăng vốn trong năm (ii)	5.185.430.000	(1.126.629.110)	(4.058.800.890)	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	1.734.660.186	1.734.660.186
Thưởng ban điều hành (i)	-	-	-	-	(209.085.690)	(209.085.690)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(5.185.480.000)	(5.185.480.000)
Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(1.696.750.000)	(1.696.750.000)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>31.112.830.000</b>	<b>9.910.890</b>	<b>-</b>	<b>1.473.497.115</b>	<b>3.813.085.404</b>	<b>36.409.323.409</b>

(i) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi, chi thù lao Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc, ban kiểm soát và phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 15/2020/NQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 15 tháng 05 năm 2020.

(ii) **Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2283/NQ-HĐQT-XNK ngày 24 tháng 08 năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty, cụ thể như sau:**

Số lượng cổ phần đang lưu hành	2.592.740	cổ phần
Số lượng cổ phần dự kiến phát hành	518.548	cổ phần
Mệnh giá	10.000	đồng/cổ phần
Tổng mệnh giá phát hành	5.185.480.000	đồng
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông	
Đối tượng phát hành	Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không tại ngày chốt danh sách để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2020	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Tỷ lệ phát hành	20% (cổ đông sở hữu 10 cổ phần cũ sẽ được nhận thêm 02 cổ phần mới)
Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh	Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành
Nguồn sử dụng	Quỹ đầu tư phát triển và thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không
Thời gian thực hiện	Trong năm 2020

• **Quyết định số 3454/2020/QĐ-HĐQT-XNK ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng quản trị thông qua kết quả phát hành cổ phần và thay đổi vốn điều lệ Công ty như sau:**

**Báo cáo về kết quả phát hành cổ phần**

Tên Cổ phần	Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Hàng không
Số lượng cổ phần phát hành	518.548 cổ phần
Loại Cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần
Tổng khối lượng vốn huy động dự kiến	5.185.480.000 đồng
Tổng số cổ phần đã phân phối	518.543 cổ phần
Tổng số lượng vốn đã huy động	5.185.430.000 đồng

**Đăng ký thay đổi vốn điều lệ Công ty**

Vốn điều lệ đã đăng ký	25.927.400.000 (Hai mươi lăm tỷ, chín trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng)
Vốn điều lệ đã thay đổi	31.112.830.000 (Ba mươi một tỷ, một trăm mười hai triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng)
Thời điểm thay đổi vốn	ngày 17 tháng 11 năm 2020
Hình thức phát hành	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phần



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không sau khi phát hành cổ phần và thay đổi vốn điều lệ như sau:

	Mệnh giá VND	Trước khi tăng vốn		Tăng vốn trong năm		Sau khi tăng vốn	
		Số cổ phiếu Cổ phiếu	Giá trị VND	Số cổ phiếu Cổ phiếu	Giá trị VND	Số cổ phiếu Cổ phiếu	Giá trị VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	10.000	1.071.000	10.710.000.000	214.200	2.142.000.000	1.285.200	12.852.000.000
Ông Đào Khắc Hậu	10.000	648.149	6.481.490.000	129.629	1.296.290.000	777.778	7.777.780.000
Ông Đào Anh Hùng	10.000	296.078	2.960.780.000	59.215	592.150.000	355.293	3.552.930.000
Ông Lê Văn Kim	10.000	169.756	1.697.560.000	33.951	339.510.000	203.707	2.037.070.000
Các cổ đông khác	10.000	407.757	4.077.570.000	81.548	815.480.000	489.305	4.893.050.000
<b>Tổng Cộng</b>		<b>2.592.740</b>	<b>25.927.400.000</b>	<b>518.543</b>	<b>5.185.430.000</b>	<b>3.111.283</b>	<b>31.112.830.000</b>

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã chấp nhận niêm yết bổ sung 518.543 cổ phiếu Công ty CP Xuất Nhập khẩu Hàng không.

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	41,31%	12.852.000.000	41,31%	10.710.000.000
Ông Đào Khắc Hậu	25,00%	7.777.780.000	25,00%	6.481.490.000
Ông Đào Anh Hùng	11,42%	3.552.930.000	10,03%	2.600.000.000
Các cổ đông khác	22,27%	6.930.120.000	23,67%	6.135.910.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>31.112.830.000</b>	<b>100,000%</b>	<b>25.927.400.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****15. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phần	Cổ phần
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>3.111.283</b>	<b>2.592.740</b>
- Cổ phiếu phổ thông	3.111.283	2.592.740
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.111.283</b>	<b>2.592.740</b>
- Cổ phiếu phổ thông	3.111.283	2.592.740
Mệnh giá 10.000 VND/cổ phần		

**16. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động - bộ phận bán hàng, bộ phận nhận ủy thác xuất nhập khẩu, bộ phận dịch vụ vận chuyển, bộ phận dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận bán hàng: bán thiết bị mặt đất, các xe vận chuyển tại sân bay, bán hàng hóa phục vụ trên chuyến bay.
- Bộ phận nhận ủy thác: cung cấp dịch vụ xuất, nhập khẩu ủy thác phụ tùng vật tư máy bay cho các Công ty hoạt động vận chuyển theo đường hàng không.
- Bộ phận dịch vụ vận chuyển: cung cấp dịch vụ vận chuyển.
- Bộ phận cung cấp dịch vụ khác: dịch vụ cho thuê nhà, dịch vụ bán vé máy bay...



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

	Bán hàng hóa	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu	Dịch vụ vận chuyển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	93.567.311.323	53.132.501.279	9.572.093.483	14.870.429.464	-	171.142.335.549
Tài sản không phân bổ						22.500.542.895
<b>Tổng tài sản</b>						<b>193.642.878.444</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	32.603.113.142	47.626.304.014	10.174.005.452	799.516.986	-	91.202.939.594
Nợ phải trả không phân bổ						66.030.615.441
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>157.233.555.035</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)****Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

	Bán hàng hóa	Nhận ủy thác nhập khẩu	Dịch vụ vận chuyển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	92.319.439.152	27.909.046.703	45.285.553.301	13.770.191.010	-	179.284.230.166
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>92.319.439.152</b>	<b>27.909.046.703</b>	<b>45.285.553.301</b>	<b>13.770.191.010</b>	<b>-</b>	<b>179.284.230.166</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	89.277.752.254	17.325.137.947	43.474.982.812	3.181.827.246		153.259.700.259
Kết quả kinh doanh bộ phận	3.041.686.898	10.583.908.756	1.810.570.489	10.588.363.764		26.024.529.907
Chi phí không phân bổ						23.097.405.782
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						2.927.124.125
Doanh thu từ các khoản đầu tư						1.503.503.797
Lợi nhuận khác						409.176.440
Chi phí tài chính						2.948.600.160
Lợi nhuận trước thuế						1.891.204.202
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						156.544.016
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						-
<b>Lợi nhuận trong năm</b>						<b>1.734.660.186</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2020

	Bán hàng hóa VND	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu VND	Dịch vụ vận chuyển VND	Dịch vụ khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản</b>						
Tài sản bộ phận	50.756.705.022	40.692.597.736	2.292.967.074	15.090.410.570		108.832.680.402
Tài sản không phân bổ						51.869.438.282
<b>Tổng tài sản</b>						<b>160.702.118.684</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
Nợ phải trả bộ phận	21.540.212.664	49.466.186.746	3.427.896.817	1.986.655.033		76.420.951.260
Nợ phải trả không phân bổ						42.515.188.511
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>118.936.139.771</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề  
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)****Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

	Bán hàng hóa	Nhận ủy thác xuất nhập khẩu	Dịch vụ vận chuyển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	190.897.956.458	43.327.374.629	41.333.671.417	14.822.407.718	-	290.381.410.222
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>190.897.956.458</b>	<b>43.327.374.629</b>	<b>41.333.671.417</b>	<b>14.822.407.718</b>	<b>-</b>	<b>290.381.410.222</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	182.785.201.508	23.104.069.701	38.843.792.700	3.790.440.315		248.523.504.224
Kết quả kinh doanh bộ phận	8.112.754.950	20.223.304.928	2.489.878.717	11.031.967.403		41.857.905.998
Chi phí không phân bổ						29.575.590.916
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						12.282.315.082
Doanh thu từ các khoản đầu tư						959.883.562
Lợi nhuận khác						(68.389.692)
Chi phí tài chính						3.565.560.937
Lợi nhuận trước thuế						9.608.248.015
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp						2.118.391.970
<b>Lợi nhuận trong năm</b>						<b>7.489.856.045</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty có 01 chi nhánh đặt tại phòng 408, số 49 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh chỉ có nhiệm vụ điều phối hoạt động khu vực miền Nam, toàn bộ doanh thu chỉ phát sinh tại trụ sở chính. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	92.319.439.152	190.897.956.458
Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu	27.909.046.703	43.327.374.629
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	45.285.553.301	41.333.671.417
Doanh thu khác	13.770.191.010	14.822.407.718
<b>Cộng Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>179.284.230.166</b>	<b>290.381.410.222</b>
<b>b) Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ bên liên quan</b>	<b>102.028.801.183</b>	<b>174.021.663.716</b>

(Chi tiết tại thuyết minh số VIII.1)

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	89.277.752.254	182.785.201.508
Giá vốn dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu	17.325.137.947	23.104.069.701
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	43.474.982.812	38.843.792.700
Giá vốn của dịch vụ khác	3.181.827.246	3.790.440.315
<b>Cộng</b>	<b>153.259.700.259</b>	<b>248.523.504.224</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.781.192	30.871.100
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.475.722.605	929.012.462
<b>Cộng</b>	<b>1.503.503.797</b>	<b>959.883.562</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	2.201.679.143	3.296.429.906
Lỗ chênh lệch tỷ giá	746.921.017	269.131.031
<b>Cộng</b>	<b>2.948.600.160</b>	<b>3.565.560.937</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	161.964.926	293.232.360
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	125.995.725	127.341.500
Chi phí khấu hao tài sản	324.678.048	334.562.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.589.771.681	5.361.478.251
Chi phí bằng tiền khác	524.612.235	1.615.550.427
Hoàn nhập chi phí bảo hành	-	(165.945.599)
<b>Cộng</b>	<b>4.727.022.615</b>	<b>7.566.219.062</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.296.273.510	8.757.026.489
Chi phí vật liệu văn phòng	643.613.802	829.928.781
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	151.338.909	232.732.764
Chi phí khấu hao tài sản	1.304.942.538	1.334.820.666
Thuế và các khoản lệ phí	1.319.600.089	1.318.600.089
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.005.160.893	5.629.309.408
Chi phí khác bằng tiền	3.649.453.426	3.906.953.657
<b>Cộng</b>	<b>18.370.383.167</b>	<b>22.009.371.854</b>

**7. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	1.891.204.202	9.608.248.015
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>157.080.000</b>	<b>332.632.974</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	157.080.000	332.632.974
<i>Chi phí không hợp lý khi tính thuế</i>	157.080.000	332.632.974
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>2.048.284.202</b>	<b>9.940.880.989</b>
<b>Thuế suất</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>409.656.841</b>	<b>1.988.176.197</b>
Thuế TNDN nộp thêm theo quyết định kiểm tra thuế	-	130.215.773
Điều chỉnh giảm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	122.897.052	-
Điều chỉnh giảm do ghi nhận trùng thuế TNDN phải nộp bổ sung theo Quyết định số 82857/QĐ-CT-XPVPHC ngày 01/11/2019	130.215.773	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>156.544.016</b>	<b>2.118.391.970</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	1.734.660.186	7.489.856.045
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	-	1.696.750.000
<b>Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.734.660.186</b>	<b>5.793.106.045</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.641.043	2.592.740
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>657</b>	<b>2.234</b>

(\*) Giá trị Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 15/2020/NQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 15 tháng 05 năm 2020 của Công ty.

Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2020, do đó lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay chưa được điều chỉnh phần quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có).

Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 15/2020/NQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 15 tháng 05 năm 2020 của Công ty như sau:

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	7.489.856.045	-	7.489.856.045
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.696.750.000)	(1.696.750.000)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>7.489.856.045</b>	<b>(1.696.750.000)</b>	<b>5.793.106.045</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.592.740	-	2.592.740
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.889</b>	<b>(654)</b>	<b>2.234</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Tiền thu khác, chi khác cho hoạt động kinh doanh**

Đây là dòng tiền thuần giữa khoản phải thu khác (khoản đã chi hộ người giao ủy thác) và phải trả khác (khoản còn phải trả nhà cung cấp) có liên quan đến hoạt động ủy thác nhập khẩu và tiền chi từ quỹ khen thưởng phúc lợi. Dòng tiền thuần này được trình bày là chi khác hoặc thu khác cho hoạt động kinh doanh nếu có chênh lệch giữa phải thu khác và phải trả khác tương ứng cho dòng tiền ra hoặc dòng tiền vào.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VIII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

**Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP khu vực miền Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	Công ty trong cùng tập đoàn
Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
<b>Bán hàng</b>	<b>102.028.801.183</b>	<b>174.021.663.716</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	98.712.930.076	139.911.040.996
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO	2.817.904.871	5.653.295.364
Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	-	357.861.640
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam	-	27.438.600.909
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	497.966.236	660.864.807
<b>Mua hàng</b>	<b>1.405.796.952</b>	<b>1.626.155.491</b>
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO	250.090.912	264.088.544
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP khu vực miền Nam	531.742.950	532.482.680
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	623.963.090	829.584.267

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>	<b>26.644.613.025</b>	<b>14.821.452.231</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	26.040.994.250	14.275.359.356
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	603.618.775	546.092.875
<b>Các khoản người mua trả tiền trước</b>	<b>20.373.236.400</b>	<b>12.177.264.000</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	20.373.236.400	12.177.264.000
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>41.710.275.736</b>	<b>34.623.846.874</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	11.159.470.195	10.289.680.399
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	27.718.872.127	23.239.297.576
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	2.831.933.414	1.094.868.899
<b>Các khoản phải trả người bán</b>	<b>639.345.565</b>	<b>426.752.738</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	639.345.565	426.752.738
<b>Các khoản trả trước người bán</b>	<b>12.422.000</b>	<b>12.422.000</b>
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	12.422.000	12.422.000
<b>Các khoản phải trả khác</b>	<b>2.438.650.844</b>	<b>1.409.121.396</b>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	299.695.699	435.268.010
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	2.138.955.145	973.853.386

**Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng HĐQT và ban Tổng Giám đốc	1.366.423.022	2.986.701.242
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	236.160.000	236.160.000
<b>Cộng</b>	<b>1.602.583.022</b>	<b>3.222.861.242</b>

**2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.



**Trần Thị Ninh**  
Người lập



**Dương Quang Trung**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Duy Việt**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 02 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 539 /2021/XNK-QLCĐ  
V/v: Giải trình biến động LN sau thuế  
năm 2020 giảm trên 10%  
so với năm trước

Hà Nội, ngày 3 tháng 3 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện thông tư 155/2015/TT/BTC ngày 06/10/2015, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không (Mã chứng khoán ARM) xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế năm 2020 giảm trên 10% so với năm 2019, vì những lý do sau:

- Về doanh thu: Do ảnh hưởng của dịch covid 19 dẫn đến doanh thu năm 2020 sụt giảm 111,097 tỷ đồng, tương đương giảm 38,26% so với năm 2019.

- Về chi phí: Công ty đã cắt giảm tối đa chi phí thường xuyên. Tổng chi phí năm 2020 giảm 102,626 tỷ đồng, tương đương giảm 36,40% so với năm trước;

- Về lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế năm 2020 đạt 1,734 tỷ đồng, giảm 5,755 tỷ đồng, tương đương giảm trên 10% so với năm trước do nguyên nhân kể trên.

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không xin giải trình với UBCKNN, SGDCCKHN và các cổ đông của công ty.

Xin trân trọng kính chào!

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu văn thư, QLCĐ

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  


**Nguyễn Duy Việt**